

## Phụ lục I

### KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG THCS MỆ THỨ  
TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC: TOÁN, KHỐI LỚP 6 (Năm học 2025 - 2026)

#### I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 3 ; Số học sinh: 122 ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): 0

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 11; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0 ; Đại học: 11 ; Trên đại học: 0.

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên <sup>1</sup>: Tốt: 11; Khá: 0 ; Đạt: 0; Chưa đạt: 0.

1.3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng trong các tiết dạy; yêu cầu nhà trường/bộ phận thiết bị chủ động cho tổ chuyên môn; đặc biệt các đồ dùng dạy học dùng cho việc đổi mới phương pháp dạy học)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính, ti vi kết nối mạng tại các phòng học.	bộ	Dùng cho các tiết dạy có ứng dụng CNTT	Máy tính, ti vi kết nối mạng tại các phòng học.
2	Thước kẻ, Eke, compa của giáo viên	bộ	Dụng cụ vẽ hình dùng cho các tiết hình học	Thước kẻ, Eke, compa của giáo viên
3	Bìa giấy cứng, keo dán,	bộ	Dùng cho các tiết tạo hình, hoạt động trải	Bìa giấy cứng, keo dán,

<sup>1</sup> Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

	dụng cụ thủ công		nghiệm		dụng cụ thủ công
--	------------------	--	--------	--	------------------

**1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng tin học	1	Sử dụng để dạy học bài: Vẽ hình đơn giản với phần mềm GeoGebra	

**2. Kế hoạch dạy học<sup>2</sup>**

**2.1. Phân phối chương trình**

HỌC KÌ I							
18 tuần x 4 = 72 tiết							
Số học				Hình học và đo lường			
Tuần	Bài học (1)	Tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tuần	Bài học (1)	Tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	Bài 1. Tập hợp	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết tập hợp và các phần tử của nó.</li> <li>Mô tả một tập hợp (cho một tập hợp).</li> <li>Sử dụng kí hiệu và cách diễn đạt toán học nhờ tập hợp.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>: Nhận biết tập hợp và các phần tử của nó.</p>	1	Bài 18. Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều (T1)	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận dạng các hình trong bài.</li> <li>Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều.</li> <li>Vẽ hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.</li> <li>Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác</li> </ul>
	Bài 2. Cách ghi số tự nhiên	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết giá trị các chữ số của một số tự nhiên viết trong hệ thập phân.</li> </ul>				

<sup>2</sup> Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biểu diễn mỗi số tự nhiên thành tổng giá trị các chữ số của nó.</li> <li>- Đọc và viết số La Mã từ 1 đến 30.</li> <li>* <b>HSKT</b>:</li> <li>- Nhận biết giá trị các chữ số của một số tự nhiên viết trong hệ thập phân.</li> <li>- Đọc và viết số La Mã từ 1 đến 10.</li> </ul>				<p>đều.</p> <p>* <b>HSKT</b>: Nhận dạng các hình trong bài. Vẽ hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.</p>
	Bài 3. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên.</li> <li>- So sánh hai số tự nhiên.</li> <li>* <b>HSKT</b>: Nhận biết thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên.</li> </ul>				
2	Bài 4. Phép cộng và phép trừ số tự nhiên	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện phép cộng và phép trừ số tự nhiên.</li> <li>- Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí.</li> <li>- Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện phép cộng và phép trừ.</li> <li>* <b>HSKT</b>: Thực hiện được 1 số phép cộng và phép trừ cơ bản về các số tự nhiên.</li> </ul>	2	Bài 18. Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều (T2)	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận dạng các hình trong bài.</li> <li>- Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều.</li> <li>- Vẽ hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.</li> <li>- Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác</li> </ul>
	Bài 5. Phép	5,6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện phép nhân hai số</li> </ul>				

	nhân và phép chia số tự nhiên		<p>tự nhiên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện phép chia hai số tự nhiên (chia hết và chia có dư).</li> <li>- Áp dụng tính chất của phép nhân và phép chia trong tính toán ( tính nhẩm, tính hợp lí).</li> <li>- Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện phép nhân và phép chia số tự nhiên.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>: Thực hiện được 1 số phép nhân và phép chia cơ bản về các số tự nhiên.</p>				<p>đều.</p> <p>* <b>HSKT</b>: Nhận dạng các hình trong bài. Vẽ hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.</p>
3	Luyện tập chung	7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Củng cố kiến thức từ bài 1 đến bài 5, lựa chọn các bài tập để luyện tập bổ sung nâng cao kĩ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kĩ năng của các bài học lại với nhau.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>: Thực hiện được 1 số phép toán cơ đơn giản.</p>	3	Bài 18. Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều (T3)	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận dạng các hình trong bài.</li> <li>- Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều.</li> <li>- Vẽ hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.</li> <li>- Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác đều.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>: Nhận dạng các</p>
	Bài 6. Lũy thừa với số mũ tự nhiên	8,9	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện phép tính nâng lên lũy thừa với số mũ tự nhiên.</li> <li>- Nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự</li> </ul>				

			<p>nhiên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên.</li> </ul>				<p>hình trong bài. Vẽ hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.</p>
4	Bài 7. Thứ tự thực hiện các phép tính	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết thứ tự thực hiện các phép tính.</li> <li>- Tính giá trị của một biểu thức.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>: Nhận biết thứ tự thực hiện các phép tính.</p>	4	<p>Bài 19. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân (T1)</p>	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.</li> </ul>
	Luyện tập chung và ôn tập chương I	11,12	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Củng cố kiến thức và chữa các bài tập của hai bài Lũy thừa với số mũ tự nhiên và Thứ tự thực hiện các phép tính, bổ sung các bài tập có nội dung tổng hợp, liên kết kiến thức nhiều bài học.</li> <li>- Củng cố những khái niệm, tính chất quan trọng đã được đề cập trong cả chương.</li> <li>- Vận dụng các tính chất để giải các bài tập tổng hợp, có thể dùng đồng thời các kiến thức đã học trong các bài học khác nhau.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>: Thực hiện được 1 số phép toán cơ đơn giản.</p>				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>: Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.</p>
5	Bài 8. Quan	13,14	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết quan hệ chia hết,</li> </ul>	5	Bài 19. Hình chữ		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả một số yếu tố cơ</li> </ul>

	hệ chia hết và tính chất		<p>khái niệm ước và bội.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm các ước và bội của một số tự nhiên.</li> <li>- Nhận biết tính chia hết của một tổng cho một số.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>: Nhận biết quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội.</p>		<p>nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân (T2)</p>	5	<p>bản (cạnh, đỉnh, góc) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>: Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.</p>
	Bài 9. Dấu hiệu chia hết (T1)	15	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 9; 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2; 5; 9; 3 hay không.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>: Nhận biết được dấu hiệu chia hết ở mức đơn giản</p>				
6	Bài 9. Dấu hiệu chia hết (T1)	16	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 9; 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2; 5; 9; 3 hay không.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>: Nhận biết được dấu hiệu chia hết ở mức đơn giản.</p>	6	<p>Bài 19. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân (T3)</p>	6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.</li> <li>- Vẽ hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>: Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.</p>
	Bài 10. Số nguyên tố	17,18	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết khái niệm số nguyên tố và hợp số.</li> <li>- Phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>: Nhận biết khái</p>				

			niệm số nguyên tố và hợp số.				
7	Luyện tập chung	19	Củng cố, rèn luyện kỹ năng: - Tìm các ước và bội. - Vận dụng tính chất chia hết của một tổng. - Vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 9; 3. - Phân tích một số tự nhiên lớn nhỏ thành tích các thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây và sơ đồ cột. * <b>HSKT</b> : Nhận biết quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội.	7	Bài 20. Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học (T1)	7	- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang. * <b>HSKT</b> : Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của tứ giác đã học.
	Bài 11. Ước chung. Ước chung lớn nhất	20,21	- Xác định ước chung, ước chung lớn nhất của hai hoặc ba số tự nhiên đã cho. - Nhận biết phân số tối giản.				
8	Bài 12. Bội chung. Bội chung nhỏ nhất	22,23	- Tìm bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên. - Sử dụng bội chung nhỏ nhất để quy đồng mẫu các phân số và cộng, trừ phân số.	8	Bài 20. Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học (T2)	8	- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang. * <b>HSKT</b> : Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của tứ giác đã học.
	Luyện tập chung	24	Củng cố, rèn luyện kỹ năng: - Phân tích một số ra thừa số nguyên tố. - Tìm ƯCLN và BCNN. Vận dụng ƯCLN và BCNN				

			trong một số bài toán thực tiễn.				
9	Ôn tập chương II	25	Củng cố, rèn luyện kỹ năng: - Phân tích một số ra thừa số nguyên tố. - Tìm ƯCLN và BCNN. - Vận dụng ƯCLN và BCNN trong một số bài toán thực tiễn.	9	Luyện tập chung (T1)	9	- Nắm vững kiến thức về một số tứ giác đã học. - Nắm vững công thức tính diện tích, chu vi của các tứ giác đã học. - Vẽ thành thạo tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang. * <b>HSKT</b> : Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của các loại đa giác đã học.
	<b>Kiểm tra giữa HK1</b>	26	- Kiểm tra các nội dung đã học ở nửa đầu học kì I. * <b>HSKT</b> : Làm một số bài tập đơn giản có trong đề kiểm tra.		<b>Kiểm tra giữa HK1</b>	10	- Kiểm tra các nội dung đã học ở nửa đầu học kì I. * <b>HSKT</b> : Làm một số bài tập đơn giản có trong đề kiểm tra.
10	Bài 13. Tập hợp các số nguyên	27,28	- Nhận biết, đọc và viết số nguyên. - Nhận biết tập hợp số nguyên. - Nhận biết ý nghĩa của số nguyên âm trong một số tình	10	Bài 20. Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học (T3)	11	- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình

			<p>huống thực tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biểu diễn số nguyên trên trục số.</li> <li>- So sánh hai số nguyên.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết, đọc và viết số nguyên.</li> <li>- Nhận biết tập hợp số nguyên.</li> </ul>				<p>thang.</p> <p>* <b>HSKT</b>: Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của tứ giác đã học.</p>
	Bài 14. Phép cộng và phép trừ số nguyên (T1)	29	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện phép cộng, trừ hai số nguyên.</li> <li>- Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí.</li> <li>- Giải toán thực tiễn liên quan đến phép cộng hay trừ hai số nguyên.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>: Thực hiện phép cộng, trừ hai số nguyên đơn giản.</p>				
11	Bài 14. Phép cộng và phép trừ số nguyên (T2,3)	30,31	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện phép cộng, trừ hai số nguyên.</li> <li>- Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí.</li> <li>- Giải toán thực tiễn liên quan đến phép cộng hay trừ hai số nguyên.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>: Thực hiện phép</p>	11	Luyện tập chung (T2)	12	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững kiến thức về một số tứ giác đã học.</li> <li>- Nắm vững công thức tính diện tích, chu vi của các tứ giác đã học.</li> <li>- Vẽ thành thạo tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật.</li> <li>- Giải quyết một số vấn đề</li> </ul>

			cộng, trừ hai số nguyên đơn giản.				thực tiễn liên quan đến tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang. * <b>HSKT</b> : Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của các loại đa giác đã học.
	Bài 15. Quy tắc dấu ngoặc	32	- Nhận biết và áp dụng quy tắc dấu ngoặc trong tính toán, nhất là để tính nhẩm hay tính hợp lí. * <b>HSKT</b> : Nhận biết được quy tắc và thứ tự thực hiện phép tính đơn giản.				
12	Luyện tập chung	33,34	- củng cố kiến thức, chữa các bài tập của các bài từ 13 đến 15, lựa chọn các bài tập để luyện tập bổ sung nâng cao kĩ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kĩ năng của các bài học lại với nhau. * <b>HSKT</b> : Thực hiện được một số bài tập đơn giản.	12	Ôn tập chương IV	13	- Ôn tập, tổng kết được toàn bộ các bài học trong chương và luyện tập được kĩ năng vẽ hình, tính toán về chu vi, diện tích các tứ giác gắn với các bài tập thực tế. * <b>HSKT</b> : Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của các loại đa giác đã học.
	Bài 16. Phép nhân số nguyên (T1)	35	- Thực hiện phép nhân hai số nguyên. - Vận dụng các tính chất của phép nhân để tính nhẩm, tính hợp lí. - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép nhân số nguyên. * <b>HSKT</b> : Thực hiện được một số bài tập đơn giản.				
13	Bài 16. Phép	36	- Thực hiện phép nhân hai số	13	Bài 21. Hình có		- Nhận biết hình có trục đối

	nhân số nguyên (T2)		<p>nguyên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng các tính chất của phép nhân để tính nhẩm, tính hợp lí.</li> <li>- Giải toán thực tiễn liên quan đến phép nhân số nguyên.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>: Thực hiện được một số bài tập đơn giản.</p>		trục đối xứng (T1)	14	<p>xứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết trục đối xứng của một hình trên giấy bằng cách gấp đôi tờ giấy.</li> <li>- Gấp giấy để cắt chữ hoặc một số hình đơn giản.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết hình có trục đối xứng.</li> <li>- Nhận biết trục đối xứng của một hình trên giấy bằng cách gấp đôi tờ giấy.</li> </ul>
	Bài 17. Phép chia hết. Ước và bội của một số nguyên	37	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện phép chia hết đối với số nguyên.</li> <li>- Nhận biết quan hệ chia hết trong tập số nguyên.</li> <li>- Nhận biết, tìm ước và bội của một số nguyên.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết quan hệ chia hết trong tập số nguyên.</li> <li>- Nhận biết ước và bội của một số nguyên.</li> </ul>				
	Luyện tập chung (T1)	38	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao và kết nối các kiến thức, kĩ năng xung quanh bốn phép tính cộng, trừ, nhân và chia (hết).</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>: Thực hiện được một số bài tập đơn giản.</p>				
14	Luyện tập chung (T2)	39	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao và kết nối các kiến thức, kĩ năng xung quanh bốn phép tính cộng, trừ, nhân và</li> </ul>	14	Bài 21. Hình có trục đối xứng (T2)	15	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết hình có trục đối xứng.</li> <li>- Nhận biết trục đối xứng</li> </ul>

			<p>chia (hết).</p> <p>* <b>HSKT</b>: Thực hiện được một số bài tập đơn giản.</p>				<p>của một hình trên giấy bằng cách gấp đôi tờ giấy.</p> <p>- Gấp giấy để cắt chữ hoặc một số hình đơn giản.</p> <p>* <b>HSKT</b>:</p> <p>- Nhận biết hình có trục đối xứng.</p> <p>- Nhận biết trục đối xứng của một hình trên giấy bằng cách gấp đôi tờ giấy.</p>
	Ôn tập chương III	40	<p>- Củng cố kiến thức toàn toàn chương 3.</p> <p>- Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài toán vào giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn.</p> <p>* <b>HSKT</b>: Thực hiện được một số bài tập đơn giản.</p>				
	TH – TN: Sử dụng máy tính cầm tay	41	<p>- Sử dụng máy tính cầm tay để thực hành các phép tính đã học với số tự nhiên, số nguyên, số thập phân.</p> <p>* <b>HSKT</b>: Thực hiện được một số phép tính đơn giản.</p>				
15	TH – TN: Tâm thiệp và phòng học của em	42,43	<p>- Ứng dụng các kiến thức đã học về các hình phẳng trong thực tiễn vào giải quyết một số tình huống trong cuộc sống như mỹ thuật, thủ công, xác định phòng học đạt mức chuẩn về ánh sáng, ...</p>	15	Bài 22. Hình có tâm đối xứng	16,17	<p>- Nhận biết hình có tâm đối xứng.</p> <p>- Nhận biết tâm đối xứng của một số hình đơn giản.</p> <p>- Gấp giấy để cắt được một số hoa văn trang trí hoặc một số hình có tâm đối xứng đơn giản.</p> <p>* <b>HSKT</b>:</p> <p>- Nhận biết hình có tâm đối xứng.</p> <p>- Nhận biết tâm đối xứng</p>

							của một số hình đơn giản.
16	Bài 23. Mở rộng phân số. Phân số bằng nhau	44,45	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết phân số với tử và mẫu là các số nguyên.</li> <li>- Nhận biết hai phân số bằng nhau, quy tắc bằng nhau của hai phân số.</li> <li>- Nêu và áp dụng hai tính chất cơ bản của phân số.</li> <li>- Rút gọn phân số.</li> <li>* <b>HSKT</b>: Nhận biết phân số với tử và mẫu là các số nguyên.</li> </ul>	16	Luyện tập chung	18,19	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhắc lại được khái niệm hình có trục đối xứng và hình có tâm đối xứng.</li> <li>- Tìm được trục đối xứng và tâm đối xứng của một số hình đơn giản.</li> <li>- Khôi phục được hình có trục đối xứng hoặc tâm đối xứng (đơn giản) từ một phần cho trước.</li> <li>* <b>HSKT</b>:</li> <li>- Nhận biết hình có trục/ tâm đối xứng.</li> <li>- Nhận biết trục/ tâm đối xứng của một số hình đơn giản</li> </ul>
17	<b>Ôn tập học kỳ I</b>	46,47	<p>Hệ thống lại các kiến thức đã học trong học kỳ I</p> <p>* <b>HSKT</b>: Làm một số bài tập đơn giản.</p>	17	Ôn tập chương V	20	<ul style="list-style-type: none"> <li>- củng cố lại kiến thức toàn chương.</li> <li>- Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài tập, kết hợp các kỹ năng đã thực hành để giải quyết các bài toán cụ thể.</li> <li>- Linh hoạt với các hoạt động trải nghiệm đơn giản để tạo hứng khởi cho học sinh</li> </ul>
					<b>Ôn tập học kỳ I</b>	21	Hệ thống lại các kiến thức

							đã học trong học kì I. * <b>HSKT</b> : Làm một số bài tập đơn giản.
18	<b>Kiểm tra học kì I</b>	48	Kiểm tra để đánh giá sự nhận thức của học sinh về các kiến thức đã học trong học kì I * <b>HSKT</b> : Làm một số bài tập đơn giản có trong đề kiểm tra.	18	<b>Kiểm tra học kì I</b>	22	Kiểm tra để đánh giá sự nhận thức của học sinh về các kiến thức đã học trong học kì I * <b>HSKT</b> : Làm một số bài tập đơn giản có trong đề kiểm tra.
					Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	23,24	- Sử dụng phần mềm GeoGebra để vẽ các hình đơn giản như điểm, đoạn thẳng, góc, ... đến các hình đẹp như tam giác đều, hình chữ nhật, hình vuông, hình tròn, ... và đặc biệt là các hình có tính chất đối xứng. * <b>HSKT</b> : Vẽ các hình đơn giản như điểm, đoạn thẳng.

**HỌC KÌ II**  
17 tuần x 4 = 68 tiết

Số học				Hình học và đo lường			
Tuần	Bài học (1)	Tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tuần	Bài học (1)	Tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
19	Bài 24. So sánh phân số. Hỗn số dương	49,50	- Nhận biết được cách quy đồng mẫu nhiều phân số. - Nhận biết được hỗn số dương.	19	Bài 32. Điểm và đường thẳng (Tiết 1)	25	- Nhận biết các quan hệ: Điểm thuộc đường thẳng; đường thẳng đi qua hai

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách quy đồng mẫu hai hay nhiều phân số.</li> <li>- So sánh được hai phân số cùng mẫu và khác mẫu.</li> <li>- Vận dụng giải các bài toán thực tiễn có liên quan.</li> </ul> <p><b>* HSKT:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được cách quy đồng mẫu nhiều phân số.</li> <li>- Nhận biết được hỗn số dương.</li> </ul>				<ul style="list-style-type: none"> <li>điểm phân biệt</li> <li>- Nhận biết được ba điểm thẳng hàng và ba điểm không thẳng hàng.</li> <li>- Biết dùng thước thẳng để kiểm tra ba điểm thẳng hàng.</li> <li>- Nhận biết hai đường thẳng song song, hai đường thẳng cắt nhau, trùng nhau.</li> <li>- Giải các bài toán thực tiễn có liên quan.</li> </ul> <p><b>* HSKT:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết các quan hệ: Điểm thuộc đường thẳng; đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt</li> <li>- Nhận biết được ba điểm thẳng hàng và ba điểm không thẳng hàng.</li> </ul>
	Luyện tập chung (T1)	51	<p>Củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy tắc bằng nhau của hai phân số, tính chất cơ bản của phân số</li> <li>- Quy đồng mẫu nhiều phân số; rút gọn phân số; so sánh phân số</li> <li>- Quy đồng mẫu nhiều phân số; rút gọn phân số; so sánh phân số; hỗn số dương;</li> <li>- Vận dụng phân số trong một số bài toán thực tiễn.</li> </ul> <p><b>* HSKT:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được cách quy đồng mẫu nhiều phân số.</li> <li>- Nhận biết được hỗn số dương.</li> </ul>				

20	Luyện tập chung (T2,3)	52,53	<p>Củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy tắc bằng nhau của hai phân số, tính chất cơ bản của phân số.</li> <li>- Quy đồng mẫu nhiều phân số; rút gọn phân số; so sánh phân số</li> <li>- Quy đồng mẫu nhiều phân số; rút gọn phân số; so sánh phân số; hỗn số dương;</li> <li>- Vận dụng phân số trong một số bài toán thực tiễn.</li> </ul> <p><b>* HSKT:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được cách quy đồng mẫu nhiều phân số.</li> <li>- Nhận biết được hỗn số dương.</li> </ul>	20	Bài 32. Điểm và đường thẳng (T2)	26	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết các quan hệ: Điểm thuộc đường thẳng; đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt</li> <li>- Nhận biết được ba điểm thẳng hàng và ba điểm không thẳng hàng.</li> <li>- Biết dùng thước thẳng để kiểm tra ba điểm thẳng hàng.</li> <li>- Nhận biết hai đường thẳng song song, hai đường thẳng cắt nhau, trùng nhau.</li> <li>- Giải các bài toán thực tiễn có liên quan.</li> </ul> <p><b>* HSKT:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết các quan hệ: Điểm thuộc đường thẳng; đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt</li> <li>- Nhận biết được ba điểm thẳng hàng và ba điểm không thẳng hàng.</li> </ul>
	Bài 25. Phép cộng và phép trừ phân số (T1)	54	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được quy tắc cộng phân số.</li> <li>- Nhận biết số đối của một phân số</li> <li>- Thực hiện được phép cộng phân số.</li> <li>- Nhận biết được quy tắc trừ phân số.</li> <li>- Thực hiện được phép trừ phân số.</li> <li>- Nhận biết được các tính</li> </ul>				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết các quan hệ: Điểm thuộc đường thẳng; đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt</li> <li>- Nhận biết được ba điểm thẳng hàng và ba điểm không thẳng hàng.</li> </ul>

			<p>chất của phép cộng phân số</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng được các tính chất của phép cộng và quy tắc dấu ngoặc trong tính toán.</li> <li>- Vận dụng giải quyết các bài toán thực tiễn có liên quan.</li> </ul> <p><b>* HSKT:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được quy tắc cộng phân số.</li> <li>- Nhận biết số đối của một phân số.</li> </ul>				
21	Bài 25. Phép cộng và phép trừ phân số (T2)	55	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được quy tắc cộng phân số.</li> <li>- Nhận biết số đối của một phân số</li> <li>- Thực hiện được phép cộng phân số.</li> <li>- Nhận biết được quy tắc trừ phân số.</li> <li>- Thực hiện được phép trừ phân số.</li> <li>- Nhận biết được các tính chất của phép cộng phân số</li> <li>- Vận dụng được các tính chất của phép cộng và quy tắc dấu ngoặc trong tính toán.</li> </ul>	21	Bài 32. Điểm và đường thẳng (T3)	27	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết các quan hệ: Điểm thuộc đường thẳng; đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt</li> <li>- Nhận biết được ba điểm thẳng hàng và ba điểm không thẳng hàng.</li> <li>- Biết dùng thước thẳng để kiểm tra ba điểm thẳng hàng.</li> <li>- Nhận biết hai đường thẳng song song, hai đường thẳng cắt nhau, trùng nhau.</li> <li>- Giải các bài toán thực</li> </ul>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng giải quyết các bài toán thực tiễn có liên quan.</li> <li>* <b>HSKT:</b></li> <li>- Nhận biết được quy tắc cộng phân số.</li> <li>- Nhận biết số đối của một phân số.</li> </ul>				<p>tiền có liên quan.</p> <p>* <b>HSKT:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết các quan hệ: Điểm thuộc đường thẳng; đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt</li> <li>- Nhận biết được ba điểm thẳng hàng và ba điểm không thẳng hàng.</li> </ul>
	Bài 26. Phép nhân và phép chia phân số	56,57	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được quy tắc nhân và chia phân số.</li> <li>- Thực hiện được phép nhân và chia phân số.</li> <li>- Nhận biết được các tính chất của phép nhân phân số</li> <li>- Vận dụng được các tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán.</li> <li>- Vận dụng giải quyết các bài toán có liên quan.</li> <li>* <b>HSKT:</b> Nhận biết được quy tắc nhân và chia phân số.</li> </ul>				
22	Bài 27. Hai bài toán về phân số	58	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm giá trị phân số của một số cho trước.</li> <li>- Tìm một số khi biết giá trị phân số của nó.</li> <li>- Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với hai bài</li> </ul>	22	Bài 33. Điểm nằm giữa hai điểm. Tia (T1)	28	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm.</li> <li>- Nhận biết được khái</li> </ul>

			toán về phân số.				
	Luyện tập chung	59,60	<p>Củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phép cộng và phép trừ phân số.</li> <li>- Phép nhân và phép chia phân số.</li> <li>- Vận dụng trong tính giá trị của biểu thức có nhiều phép tính.</li> <li>- Tính giá trị của biểu thức có chứa chữ.</li> <li>- Vận dụng phân số trong một số bài toán thực tiễn.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>: Thực hiện được một số bài tập đơn giản.</p>				<p>niệm tia, hai tia đối nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải các bài toán thực tế có liên quan.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm.</li> <li>- Nhận biết được khái niệm tia, hai tia đối nhau.</li> </ul>
23	Ôn tập chương VI	61	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn tập kiến thức toàn chương.</li> <li>- Vận dụng kiến thức của chương để chữa và làm các bài tập tổng hợp cuối chương.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>: Thực hiện được một số bài tập đơn giản.</p>	23	Bài 33. Điểm nằm giữa hai điểm. Tia (T2)	29	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm.</li> <li>- Nhận biết được khái niệm tia, hai tia đối nhau.</li> <li>- Giải các bài toán thực tế có liên quan.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng</li> </ul>
	Bài 28. Số thập phân	62	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết số thập phân âm, số đối của một số thập phân.</li> <li>- So sánh hai số thập phân.</li> <li>- Sử dụng số thập phân</li> </ul>				

			<p>trong một số tình huống thực tiễn.</p> <p>* <b>HSKT</b>: Nhận biết số thập phân âm, số đối của một số thập phân.</p>				<p>phía hay khác phía đối với một điểm.</p> <p>- Nhận biết được khái niệm tia, hai tia đối nhau.</p>
	Bài 29. Tính toán với số thập phân (T1)	63	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được quy tắc cộng và trừ số thập phân.</li> <li>- Thực hiện được các phép tính cộng và trừ số thập phân.</li> <li>- Nhận biết được quy tắc nhân và chia số thập phân.</li> <li>- Thực hiện được các phép tính nhân và chia số thập phân.</li> <li>- Vận dụng các tính chất của phép tính trong tính toán.</li> <li>- Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được quy tắc cộng và trừ số thập phân.</li> <li>- Nhận biết được quy tắc nhân và chia số thập phân.</li> </ul>				
24	Bài 29. Tính toán với số thập phân (T2,3,4)	64,65,66	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được quy tắc cộng và trừ số thập phân.</li> <li>- Thực hiện được các phép tính cộng và trừ số thập</li> </ul>	24	Bài 34. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng (T1)	30	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng.</li> <li>- Đọc được tên đoạn thẳng</li> <li>- Nhận biết được đơn vị đo</li> </ul>

			<p>phân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được quy tắc nhân và chia số thập phân.</li> <li>- Thực hiện được các phép tính nhân và chia số thập phân.</li> <li>- Vận dụng các tính chất của phép tính trong tính toán.</li> <li>- Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân.</li> </ul> <p><b>* HSKT:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được quy tắc cộng và trừ số thập phân.</li> <li>- Nhận biết được quy tắc nhân và chia số thập phân.</li> </ul>				<p>độ dài, độ dài đoạn thẳng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết đo độ dài của đoạn thẳng, vẽ đoạn thẳng khi biết độ dài.</li> <li>- Biết so sánh độ dài hai đoạn thẳng.</li> <li>- Giải các bài toán thực tế có liên quan đến đoạn thẳng và độ dài của đoạn thẳng.</li> </ul> <p><b>* HSKT:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng.</li> <li>- Đọc được tên đoạn thẳng</li> <li>- Nhận biết được đơn vị đo độ dài, độ dài đoạn thẳng.</li> </ul>
25	Bài 30. Làm tròn và ước lượng	67	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm tròn số thập phân.</li> <li>- Ước lượng kết quả phép đo, phép tính.</li> <li>- Vận dụng làm tròn số thập phân trong một số tình huống thực tiễn.</li> </ul>	25	Bài 34. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng (T2)	31	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng.</li> <li>- Đọc được tên đoạn thẳng</li> <li>- Nhận biết được đơn vị đo độ dài, độ dài đoạn thẳng.</li> <li>- Biết đo độ dài của đoạn thẳng, vẽ đoạn thẳng khi biết độ dài.</li> <li>- Biết so sánh độ dài hai đoạn thẳng.</li> <li>- Giải các bài toán thực tế có liên quan đến đoạn thẳng và độ dài của đoạn</li> </ul>
	Bài 31. Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm	68,69	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm tỉ số hay tỉ số phần trăm của hai số, hai đại lượng.</li> <li>- Tính giá trị phần trăm của một số cho trước; tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó.</li> </ul>				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng.</li> <li>- Đọc được tên đoạn thẳng</li> <li>- Nhận biết được đơn vị đo độ dài, độ dài đoạn thẳng.</li> <li>- Biết đo độ dài của đoạn thẳng, vẽ đoạn thẳng khi biết độ dài.</li> <li>- Biết so sánh độ dài hai đoạn thẳng.</li> <li>- Giải các bài toán thực tế có liên quan đến đoạn thẳng và độ dài của đoạn</li> </ul>

			- Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tỉ số phần trăm.				thẳng. * <b>HSKT</b> : - Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng. - Đọc được tên đoạn thẳng - Nhận biết được đơn vị đo độ dài, độ dài đoạn thẳng.
26	Luyện tập chung	70,71	<p>- Chữa các bài tập của các bài học từ 28 đến 3.</p> <p>- Giải các bài tập luyện tập bổ sung, nâng cao kỹ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kỹ năng của các bài học lại với nhau.</p> <p>* <b>HSKT</b>: Thực hiện được một số bài tập đơn giản.</p>	26	Bài 35. Trung điểm của đoạn thẳng	32	<p>- Nhận biết được trung điểm đoạn thẳng.</p> <p>- Giải các bài toán thực tế có liên quan đến trung điểm của đoạn thẳng.</p> <p>* <b>HSKT</b>: Nhận biết được trung điểm đoạn thẳng.</p>
					Luyện tập chung (T1)	33	<p>- Nắm vững được kiến thức về các quan hệ: điểm thuộc đường thẳng, ba điểm thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm cùng phía hoặc khác phía đối với một điểm, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau, về các khái niệm: tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.</p> <p>- Nhận biết được và mô tả được bằng lời nói hoặc kí hiệu: điểm thuộc hay</p>

							<p>không thuộc đường thẳng, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm.</li> <li>- Đọc đúng tên đường thẳng, tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng.</li> </ul> <p><b>* HSKT:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được và mô tả được bằng lời nói hoặc kí hiệu: điểm thuộc hay không thuộc đường thẳng, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau.</li> <li>- Nhận biết được điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm.</li> <li>- Đọc đúng tên đường thẳng, tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng.</li> </ul>
27	Ôn tập	72	- Hệ thống được các kiến	27	Luyện tập chung	34	- Năm vững được kiến

	<p>chương VII</p>		<p>thức đã học trong chương và cung cấp một số nội dung có tính chất tổng hợp, liên kết các kiến thức đã học trong các bài học khác nhau. * <b>HSKT</b>: Thực hiện được một số bài tập đơn giản.</p>		<p>(T2)</p>	<p>thức về các quan hệ: điểm thuộc đường thẳng, ba điểm thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm cùng phía hoặc khác phía đối với một điểm, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau, về các khái niệm: tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được và mô tả được bằng lời nói hoặc kí hiệu: điểm thuộc hay không thuộc đường thẳng, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau.</li> <li>- Nhận biết được điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm.</li> <li>- Đọc đúng tên đường thẳng, tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được và mô tả được bằng lời nói hoặc kí</li> </ul>
--	-------------------	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	-------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

							<p>hiệu: điểm thuộc hay không thuộc đường thẳng, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm.</li> <li>- Đọc đúng tên đường thẳng, tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng.</li> </ul>
	<b>Kiểm tra giữa HK2</b>	73	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra các nội dung đã học ở nửa đầu học kì II</li> <li>* <b>HSKT</b>: Làm một số bài tập đơn giản có trong đề kiểm tra.</li> </ul>		<b>Kiểm tra giữa HK2</b>	35	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra các nội dung đã học ở nửa đầu học kì II</li> <li>* <b>HSKT</b>: Làm một số bài tập đơn giản có trong đề kiểm tra.</li> </ul>
28	TK – XS: Bài 38. Dữ liệu và thu thập dữ liệu	74,75	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết các loại dữ liệu, nhận biết tính hợp lí của dữ liệu.</li> <li>- Thu thập dữ liệu.</li> <li>* <b>HSKT</b>: Nhận biết các loại dữ liệu, nhận biết tính hợp lí của dữ liệu.</li> </ul>	28	Bài 36. Góc (T1)	36	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết góc, đỉnh và cạnh của góc.</li> <li>- Nhận biết góc bẹt.</li> <li>- Nhận biết điểm nằm trong của một góc.</li> <li>* <b>HSKT</b>:</li> </ul>
	TK – XS: Bài 39. Bảng thống kê và biểu đồ tranh	76	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được, đọc và phân tích được bảng thống kê.</li> <li>- Biểu diễn được dữ liệu vào bảng thống kê.</li> </ul>				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết góc, đỉnh và cạnh của góc.</li> <li>- Nhận biết góc bẹt.</li> <li>- Nhận biết điểm nằm</li> </ul>

	(T1)		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được, đọc và phân tích được được biểu đồ tranh.</li> <li>- Biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ tranh.</li> </ul>				trong của một góc.
29	TK – XS: Bài 39. Bảng thống kê và biểu đồ tranh (T2)	77	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được, đọc và phân tích được bảng thống kê.</li> <li>- Biểu diễn được dữ liệu vào bảng thống kê.</li> <li>- Hiểu được, đọc và phân tích được được biểu đồ tranh.</li> <li>- Biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ tranh.</li> </ul>	29	Bài 36. Góc (T2)	37	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết góc, đỉnh và cạnh của góc.</li> <li>- Nhận biết góc bẹt.</li> <li>- Nhận biết điểm nằm trong của một góc.</li> </ul>
	TK – XS: Bài 40. Biểu đồ cột	78,79	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ được biểu đồ cột từ bảng thống kê cho trước.</li> <li>- Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ cột.</li> <li>- Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ cột.</li> </ul> <p>* <b>HSKT</b>: Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ cột.</p>				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết góc, đỉnh và cạnh của góc.</li> <li>- Nhận biết góc bẹt.</li> <li>- Nhận biết điểm nằm trong của một góc.</li> </ul>
30	TK – XS: Bài 41. Biểu đồ cột kép	80,81	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ biểu đồ cột kép; đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ cột kép.</li> <li>- Nhận ra quy luật đơn giản từ biểu đồ cột kép.</li> </ul>	30	Bài 37. Số đo góc (T1)	38	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được khái niệm số đo góc.</li> <li>- Biết dùng thước đo độ để xác định số đo của một góc cho trước.</li> </ul>
	TK – XS:	82	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS được thực hành: Lập</li> </ul>				<ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh hai góc.</li> </ul>

	Luyện tập chung (T1)		<p>phiếu khảo sát để thu thập dữ liệu; tổng hợp dữ liệu thu được từ các phiếu khảo sát, biểu diễn dưới dạng biểu đồ tranh, bảng thông kê.</p> <p>- Sử dụng biểu đồ cột, biểu đồ cột kép biểu diễn dữ liệu.</p>				<p>- Nhận biết được các góc đặc biệt: góc vuông, góc nhọn, góc tù.</p> <p>* <b>HSKT:</b></p> <p>- Nhận biết được khái niệm số đo góc.</p> <p>- Nhận biết được các góc đặc biệt: góc vuông, góc nhọn, góc tù.</p>
31	TK – XS: Luyện tập chung (T2)	83	<p>- HS được thực hành: Lập phiếu khảo sát để thu thập dữ liệu; tổng hợp dữ liệu thu được từ các phiếu khảo sát, biểu diễn dưới dạng biểu đồ tranh, bảng thông kê.</p> <p>- Sử dụng biểu đồ cột, biểu đồ cột kép biểu diễn dữ liệu.</p>	31	Bài 37. Số đo góc (T2)	39	<p>- Nhận biết được khái niệm số đo góc.</p> <p>- Biết dùng thước đo độ để xác định số đo của một góc cho trước.</p> <p>- So sánh hai góc.</p> <p>- Nhận biết được các góc đặc biệt: góc vuông, góc nhọn, góc tù.</p> <p>* <b>HSKT:</b></p> <p>- Nhận biết được khái niệm số đo góc.</p> <p>- Nhận biết được các góc đặc biệt: góc vuông, góc nhọn, góc tù.</p>
	TK – XS: Bài 42. Kết quả có thể và sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm	84,85	<p>- Nhận biết tính không đoán trước về kết quả của một số trò chơi thí nghiệm.</p> <p>- Liệt kê các kết quả có thể xảy ra trong các trò chơi, thí nghiệm đơn giản.</p> <p>- Nhận biết một sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm có xảy ra hay không.</p> <p>* <b>HSKT:</b> Nhận biết tính không đoán trước về kết quả</p>				

			của một số trò chơi thí nghiệm.				
32	TK – XS: Bài 43. Xác suất thực nghiệm	86	Biểu diễn khả năng xảy ra một sự kiện theo xác suất thực nghiệm.	32	Luyện tập chung	40	<p>Nắm vững kiến thức về góc, điểm nằm trong của góc; số đo góc; các góc đặc biệt.</p> <p>* <b>HSKT</b>: Thực hiện được một số bài tập đơn giản.</p>
	TK – XS: Luyện tập chung	87	HS được làm thí nghiệm, thu thập dữ liệu (kết quả của thí nghiệm), tính xác suất thực nghiệm của một số sự kiện dựa trên kết quả thu.				
	TK – XS: Ôn tập chương IX (T1)	88	Hệ thống được các nội dung đã học trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan. * <b>HSKT</b> : Thực hiện được một số bài tập đơn giản.				
33	TK – XS: Ôn tập chương IX (T2)	89	Hệ thống được các nội dung đã học trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan.	33	Ôn tập chương VIII	41	<p>Hệ thống được các nội dung trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan.</p> <p>* <b>HSKT</b>: Thực hiện được một số bài tập đơn giản.</p>
	TH – TN: Kế hoạch chi tiêu cá nhân và gia đình	90	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp HS làm quen với việc xây dựng một kế hoạch đơn giản về tài chính.</li> <li>- Áp dụng được các kiến thức về tỉ số phần trăm vào những vấn đề cụ thể trong đời sống.</li> </ul>				

	TH –TN: Hoạt động thể thao nào được em yêu thích nhất trong hè (T1)	91	Điều tra và phân tích về lựa chọn hoạt động thể thao hè mà học sinh lựa chọn để tư vấn cho nhà trường ( địa phương) trong việc tổ chức các hoạt động thể thao hè trong kỳ nghỉ hè tới. Thông qua dự án, học sinh luyện tập cách thu thập dữ liệu, tổ chức dữ liệu, xử lí dữ liệu và phân tích dữ liệu.				
34	TH –TN: Hoạt động thể thao nào được em yêu thích nhất trong hè (T2)	92	Điều tra và phân tích về lựa chọn hoạt động thể thao hè mà học sinh lựa chọn để tư vấn cho nhà trường ( địa phương) trong việc tổ chức các hoạt động thể thao hè trong kỳ nghỉ hè tới. Thông qua dự án, học sinh luyện tập cách thu thập dữ liệu, tổ chức dữ liệu, xử lí dữ liệu và phân tích dữ liệu.	34	<b>Ôn tập cuối HK2</b>	42	Ôn tập các kiến thức cơ bản học kì II. * <b>HSKT</b> : Thực hiện được một số bài tập đơn giản.
	TH –TN: Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	93,94	- Hiểu được tính năng của các hộp công cụ trên giao diện của phần mềm GeoGebra. - Vẽ được các hình có trục đối xứng, hình có tâm đối xứng bằng phần mềm				

			GeoGeba. * <b>HSKT</b> : * <b>HSKT</b> : Vẽ các hình đơn giản.				
35	<b>Ôn tập cuối HK2</b>	95,96	Ôn tập các kiến thức cơ bản học kì II * <b>HSKT</b> : Thực hiện được một số bài tập đơn giản.	35	<b>Kiểm tra cuối HK2</b>	43	Kiểm tra để đánh giá sự nhận thức của học sinh về các kiến thức đã học trong học kì II. * <b>HSKT</b> : Làm một số bài tập đơn giản có trong đề kiểm tra.
	<b>Kiểm tra cuối HK2</b>	97	Kiểm tra để đánh giá sự nhận thức của học sinh về các kiến thức đã học trong học kì II * <b>HSKT</b> : Làm một số bài tập đơn giản có trong đề kiểm tra.				

## 2.2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông) (không)

### 2.3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	90 phút	Tuần 9	-Kiến thức: Hệ thống các kiến thức đã học trong giữa học kỳ I. -Kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học làm bài tập liên quan đến nội dung đã học. -Phẩm chất: Trung thực, tự tin.	Kiểm tra viết: Trắc nghiệm và Tự luận
Cuối Học kỳ 1	90 phút	Tuần 18	-Kiến thức: Hệ thống các kiến thức đã học trong cuối học kỳ I -Kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học làm bài tập	Kiểm tra viết: Trắc nghiệm và Tự luận

			liên quan đến nội dung đã học. -Phẩm chất: Trung thực, tự tin.	
Giữa Học kỳ 2	90 phút	Tuần 27	-Kiến thức: Hệ thống các kiến thức đã học giữa học kỳ II. -Kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học làm bài tập liên quan đến nội dung đã học. -Phẩm chất: Trung thực, tự tin.	Kiểm tra viết: Trắc nghiệm và Tự luận
Cuối Học kỳ 2	90 phút	Tuần 35	-Kiến thức: Hệ thống các kiến thức đã học trong cuối học kỳ II -Kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học làm bài tập liên quan đến nội dung đã học. -Phẩm chất: Trung thực, tự tin.	Kiểm tra viết: Trắc nghiệm và Tự luận

### III. Các nội dung khác (nếu có):

- Thực hiện sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn theo nghiên cứu bài học.
- Bồi dưỡng học sinh giỏi môn Toán, KHTN (KHTN 1, KHTN 2, KHTN 3), Tin học.
- Thực hiện công tác phụ đạo học sinh yếu môn Toán.
- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo Chương trình GDPT 2018.
- Hướng dẫn học sinh dự thi Triển lãm sản phẩm dạy học STEM.
- Tổ chức, tham gia hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp, hoạt động tập thể, hoạt động xã hội.
- Thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, các hoạt động, nội dung khác theo phân công của trường.
- Tham gia tập huấn chuyên môn, sinh hoạt tổ nhóm cụm chuyên môn theo kế hoạch.

**TỔ TRƯỞNG**

*Đông Giang, ngày 25 tháng 8 năm 2025*

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Hồ Thị Ngọc Lan**

**Đinh Thị Thu Hoài**